

## CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----

## BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Công nghệ Thông tin; Chuyên ngành: Trí tuệ nhân tạo và Khai phá dữ liệu

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Hồng Quang

2. Ngày tháng năm sinh: 12/01/1978; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Xã Dịch Vọng, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): P3, U0, Tập thể Đại học Sư phạm Hà Nội, Tổ 5, Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Số nhà 52, phố Trần Quốc Hoàn, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0978813688;

E-mail: quangnh@soict.hust.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 2004 đến năm 2008: Nghiên cứu sinh tại Nghiên cứu sinh

Từ năm 2020 đến năm 2020: Giảng viên tại Bộ môn Kỹ thuật máy tính, Viện Công nghệ thông tin và Truyền thông, Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội

Chức vụ: Hiện nay: Giảng viên; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng Bộ môn

Cơ quan công tác hiện nay: Bộ môn Kỹ thuật máy tính, Viện Công nghệ thông tin và Truyền thông, Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: Phòng 502 nhà B1, trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, số 1, Đại Cồ Việt, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 024 3869 2463

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không có

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 15 tháng 06 năm 2000, ngành: Công nghệ thông tin, chuyên ngành: Công nghệ thông tin

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 27 tháng 05 năm 2004, ngành: Xử lý thông tin và Truyền thông, chuyên ngành: Xử lý thông tin và Truyền thông

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng TS ngày 21 tháng 11 năm 2008, ngành: Tin học, chuyên ngành: Tin học

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Avignon, Cộng Hòa Pháp

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Bách khoa Hà Nội (Hội đồng IV: Công nghệ thông tin, Toán học)

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Công nghệ thông tin

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Học máy thống kê, Mạng nơ ron và Học sâu.

- Nhận dạng tự động thông tin trong tiếng nói bao gồm nhận dạng nội dung, cảm xúc, vùng miền.

- Tin sinh học bao gồm phân loại và dự đoán chức năng của protein.

- Chẩn đoán bệnh từ dữ liệu y tế bao gồm hồ sơ bệnh án điện tử và các dữ liệu ảnh y tế như ảnh X-ray, CT-Scan, MRI, ...

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 2 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 8 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai);

- Đã hoàn thành 1 đề tài NCKH cấp Bộ; 3 đề tài NCKH cấp Cơ sở;

- Đã công bố (số lượng) 59 bài báo KH, trong đó 6 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 3, trong đó 3 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng 0 tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

| TT | Tên khen thưởng | Cấp khen thưởng | Năm khen thưởng |
|----|-----------------|-----------------|-----------------|
|----|-----------------|-----------------|-----------------|

|   |                                                                                                                                                                                                             |                                    |      |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|------|
| 1 | Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở                                                                                                                                                                                  | Trường Đại học Bách Khoa<br>Hà Nội | 2017 |
| 2 | Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở                                                                                                                                                                                  | Trường Đại học Bách Khoa<br>Hà Nội | 2019 |
| 3 | Bằng khen của Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội về việc “Đã có thành tích hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt giải Ba giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Bộ và VIFOTEC năm học 2008-2009”. | Trường Đại học Bách Khoa<br>Hà Nội | 2010 |

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

| TT       | Tên kỷ luật | Cấp ra quyết định | Số quyết định | Thời hạn hiệu lực |
|----------|-------------|-------------------|---------------|-------------------|
| Không có |             |                   |               |                   |

## B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá):

- Đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn của nhà giáo.
- Luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ giảng dạy được Nhà trường giao.
- Tích cực, nhiệt tình tham gia công tác nghiên cứu khoa học.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên \*:

- Tổng số 15 năm.
- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

(Căn cứ chế độ làm việc đối với giảng viên theo quy định hiện hành)

| TT | Năm học | Số lượng<br>NCS đã<br>hướng dẫn | Số lượng<br>ThS/CK2/BSNT<br>đã hướng dẫn | Số đồ<br>án,<br>khóa<br>luận tốt<br>nghiệp<br>ĐH đã<br>HD | Số lượng<br>giờ giảng<br>dạy trực<br>tiếp trên lớp | Tổng số giờ<br>giảng trực<br>tiếp/Số giờ<br>quy đổi/Số<br>giờ định mức |
|----|---------|---------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|
|    |         |                                 |                                          |                                                           |                                                    |                                                                        |

| Chính          | Phụ       | ĐH | SDH |   |    |     |    |             |
|----------------|-----------|----|-----|---|----|-----|----|-------------|
| 1              | 2014-2015 |    | 2   | 5 | 10 | 270 | 30 | 300/740/270 |
| 2              | 2015-2016 |    | 1   | 1 | 6  | 255 |    | 255/516/270 |
| 3              | 2016-2017 |    | 2   | 1 | 7  | 300 | 45 | 345/722/270 |
| 3 năm học cuối |           |    |     |   |    |     |    |             |
| 4              | 2017-2018 |    | 2   |   | 9  | 330 | 45 | 375/796/270 |
| 5              | 2018-2019 |    | 1   |   | 9  | 375 |    | 375/734/270 |
| 6              | 2019-2020 |    | 1   | 1 | 11 | 420 |    | 420/776/270 |

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

### 3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh, tiếng Pháp

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; Tại nước: Cộng Hòa Pháp năm 2008

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Tiếng Anh trình độ C năm 2002, trình độ B2 năm 2013

4. Hướng dẫn NCS, học viên CH, BSCK, BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

| TT | Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT | Đối tượng | Trách nhiệm hướng dẫn | Thời gian hướng dẫn từ ... đến ... | Cơ sở đào tạo | Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng |
|----|-------------------------------|-----------|-----------------------|------------------------------------|---------------|-------------------------------------------------------|
|    |                               |           |                       |                                    |               |                                                       |

| NCS | HVCH/CK2/BSNT    | Chính | Phụ |   |   |                           |                             |            |
|-----|------------------|-------|-----|---|---|---------------------------|-----------------------------|------------|
| 1   | Phạm Ngọc Hưng   | X     |     |   | X | 12/2010<br>đến<br>05/2017 | Trường<br>ĐHBK<br>Hà<br>Nội | 13/12/2017 |
| 2   | Đào Thị Lệ Thủy  | X     |     |   | X | 05/2014<br>đến<br>09/2019 | Trường<br>ĐHBK<br>Hà<br>Nội | 16/04/2020 |
| 3   | Bùi Duy Chiên    |       | X   | X |   | 10/2012<br>đến<br>09/2014 | Trường<br>ĐHBK<br>Hà<br>Nội | 16/03/2015 |
| 4   | Đào Thị Thu Diệp |       | X   | X |   | 12/2011<br>đến<br>10/2013 | Trường<br>ĐHBK<br>Hà<br>Nội | 19/12/2013 |
| 5   | Đỗ Quốc Bình     |       | X   | X |   | 05/2013<br>đến<br>06/2014 | Trường<br>ĐHBK<br>Hà<br>Nội | 05/08/2014 |
| 6   | Hoàng Văn Hiệp   |       | X   | X |   | 01/2010<br>đến<br>10/2011 | Trường<br>ĐHBK<br>Hà<br>Nội | 20/12/2011 |
| 7   | Nguyễn Thị Hiền  |       | X   | X |   | 01/2011<br>đến<br>10/2012 | Trường<br>ĐHBK<br>Hà<br>Nội | 28/01/2013 |
| 8   | Nguyễn Thị Thanh |       | X   | X |   | 04/2014<br>đến<br>10/2016 | Trường<br>ĐHBK<br>Hà<br>Nội | 27/12/2016 |

|    |                  |  |   |   |  |                           |                             |            |
|----|------------------|--|---|---|--|---------------------------|-----------------------------|------------|
| 9  | Nguyễn Thu Huyền |  | X | X |  | 10/2012<br>đến<br>09/2014 | Trường<br>ĐHBK<br>Hà Nội    | 16/03/2015 |
| 10 | Phạm Thu Thuận   |  | X | X |  | 10/2012<br>đến<br>09/2014 | Trường<br>ĐHBK<br>Hà<br>Nội | 16/03/2015 |

*Ghi chú:* Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai số lượng NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

| TT                            | Tên sách                                                                                                                                                                            | Loại sách (CK, GT, TK, HD) | Nhà xuất bản và năm xuất bản                                      | Số tác giả | Chủ biên | Phần biên soạn (từ trang ... đến trang) | Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách) |
|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------|------------|----------|-----------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ |                                                                                                                                                                                     |                            |                                                                   |            |          |                                         |                                                            |
| 1                             | Soft Computing for Biomedical Applications and Related Topics, Book chapter “An Approach for Building Effective Real Estate Chatbots in Vietnamese” (Tác giả đầu + Tác giả liên hệ) | CK                         | In “Computational Intelligence series”, Springer Nature, năm 2020 | 6          | VC       | (231-241)                               |                                                            |

|   |                                                                                                                                                                                                            |    |                                                                               |   |    |               |  |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-------------------------------------------------------------------------------|---|----|---------------|--|
| 2 | Soft Computing for Biomedical Applications and Related Topics, Book chapter “Building a X-ray Database for Mammography on Vietnamese Patients and automatic Detecting ROI Using Mask-RCNN” (Tác giả thứ 5) | CK | n<br>“Computational Intelligence series”, Springer Nature, năm 2020           | 9 | VC | (315-329)     |  |
| 3 | Soft Computing for Biomedical Applications and Related Topics, Book chapter “An Approach for Building Effective Real Estate Chatbots in Vietnamese” (Tác giả liên hệ)                                      | TK | In<br>“Computational Intelligence series”, Springer Nature (SCOPUS), năm 2020 | 2 | VC | (pp. 221-229) |  |

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS: 3

*Lưu ý:*

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;
- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

**Các chữ viết tắt:** CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

---

| TT                            | Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)                                                      | CN/PCN/TK | Mã số và cấp quản lý    | Thời gian thực hiện       | Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả |
|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------------------|---------------------------|---------------------------------------------------|
| Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ |                                                                                                     |           |                         |                           |                                                   |
| 1                             | Hệ thống truy vấn thông tin từ nguồn dữ liệu tiếng nói tiếng Việt                                   | CN        | B2010-01-363, cấp Bộ    | 01/01/2010 đến 30/12/2011 | 16/5/2012.<br>Xếp loại: Tốt                       |
| 2                             | Xây dựng cơ sở dữ liệu tiếng nói liên tục cho tiếng Việt                                            | CN        | T2009-25, cấp Cơ sở     | 10/04/2009 đến 15/12/2009 | 15/12/2009.<br>Xếp loại: Tốt                      |
| 3                             | Nghiên cứu xây dựng hệ thống nhận dạng phương ngữ tiếng Việt sử dụng phương pháp học sâu            | CN        | T2016-PC-044, cấp Cơ sở | 01/08/2016 đến 01/07/2017 | 26/7/2017.<br>Xếp loại: Tốt                       |
| 4                             | Nghiên cứu xây dựng hệ thống phát hiện chứng loạn nhịp tim rung tâm nhĩ sử dụng phương pháp học sâu | CN        | T2017-PC-080, cấp Cơ sở | 01/11/2017 đến 30/10/2018 | 19/11/2018.<br>Xếp loại: Đạt                      |

*Lưu ý:*

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

**Các chữ viết tắt:** CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học đã công bố

---



| TT                              | Tên bài báo/báo cáo KH                                                                               | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN                                                                                        | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang | Năm công bố |
|---------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------|----------------|-------------|
| Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ |                                                                                                      |            |                  |                                                                                                                                        |                                                   |                                            |                |             |
| 1                               | Nhận dạng tiếng nói tiếng Việt phát âm liên tục                                                      | 2          | Có               | Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia lần thứ hai về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Công nghệ Thông tin và truyền thông (ICT.rda 2004) |                                                   |                                            | , 243-250      | 2004        |
| 2                               | Reconnaissance de la parole continue à grand vocabulaire en vietnamien, une langue syllabique tonale | 4          | Có               | Kỷ yếu hội nghị quốc tế: Actes des XXVIIes Journée d'Etude sur la Parole (JEP 2008)                                                    |                                                   | 3                                          | , 281-284      | 2008        |
| 3                               | Tone recognition of Vietnamese continuous speech using hidden Markov model                           | 4          | Có               | Kỷ yếu hội nghị quốc tế: 2nd International Conference on Communication and Electronics (HUT-ICCE 2008) / ISBN: 978-1-4244-2426-9       |                                                   | 13                                         | , 235-238      | 2008        |

|                               |                                                                                               |   |    |                                                                                                                                               |          |    |             |      |
|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|----|-------------|------|
| 4                             | A Novel Approach in Continuous Speech Recognition for Vietnamese, an Isolating Tonal Language | 4 | Có | Kỷ yếu hội nghị quốc tế:<br>Proceedings of the INTERSPEECH 2008 / ISBN: 978-1-61567-378-0                                                     | - Scopus | 12 | , 1149-1152 | 2008 |
| 5                             | Large Vocabulary Continuous Speech Recognition for Vietnamese, an Under-resourced Language.   | 4 | Có | Proceedings of the 1st International Workshop on Spoken Languages Technologies for Under-resourced Languages (SLTU-2008)                      |          | 8  | , 23-26     | 2008 |
| Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ |                                                                                               |   |    |                                                                                                                                               |          |    |             |      |
| 6                             | Automatic Speech Recognition for Vietnamese using HTK system                                  | 3 | Có | Kỷ yếu hội nghị quốc tế: IEEE RIVF International Conference on Computing and Communication Technologies (RIVF 2010) / ISBN: 978-1-4244-8072-2 | - Scopus | 18 | ,           | 2010 |

|    |                                                                                                       |   |       |                                                                                                                                                   |          |  |                    |      |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--|--------------------|------|
| 7  | Improving Retake Detection by Adding Motion Feature                                                   | 4 | Không | Kỹ yếu hội nghị quốc tế: Image Analysis and Processing (ICIAP 2011), Lecture Notes in Computer Science, LNCS 6979, Springer 2011 / ISSN 0302-9743 | - Scopus |  | , 150-157          | 2011 |
| 8  | Một phương pháp lựa chọn nhanh tham số cho hệ thống nhận dạng tiếng nói                               | 3 | Có    | Tạp chí Nghiên cứu khoa học và công nghệ quân sự, Viện khoa học và công nghệ quân sự / ISSN 1859-1043                                             |          |  | , Số 16<br>169-178 | 2011 |
| 9  | Cải thiện hiệu năng của hệ thống nhận dạng tiếng Việt nói bằng phương pháp xử lý lưới từ hậu nghiệm   | 4 | Có    | Tạp chí nghiên cứu khoa học và công nghệ quân sự, Viện Khoa học và Công nghệ quân sự, Đặc san tháng 11/2012 / ISSN: 1859-1043                     |          |  | , 25-32            | 2012 |
| 10 | Một hướng tiếp cận dựa trên tần số cơ bản để phân biệt phương ngữ tiếng Việt theo phương thức phát âm | 3 | Không | Kỹ yếu Hội nghị khoa học quốc gia lần thứ VI, nghiên cứu cơ bản và ứng dụng công nghệ thông tin FAIR 2013 / ISBN: 978-604-913-165-3               |          |  | , 265-269          | 2013 |

|    |                                                                                       |   |       |                                                                                                                                                                                                                                     |          |   |           |      |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|---|-----------|------|
| 11 | Text-dependent Speaker Recognition for Vietnamese                                     | 4 | Có    | Kỷ yếu hội nghị quốc tế: The IEEE Fifth International Conference on Soft Computing And Pattern Recognition (SoCPaR 2013), IEEE Systems Man and Cybernetics Society, Technical Committee on Soft Computing / ISBN: 978-1-4799-3400-3 | - Scopus | 3 | , 202-206 | 2013 |
| 12 | Nhận dạng phương ngữ tiếng Việt sử dụng mô hình Gauss hỗn hợp                         | 4 | Không | Kỷ yếu hội nghị quốc tế: Hội nghị khoa học quốc gia lần thứ VII, nghiên cứu cơ bản và ứng dụng công nghệ thông tin FAIR 2014 / ISBN: 978-604-913-300-8                                                                              |          | 3 | , 449-452 | 2014 |
| 13 | Corpus and Statistical Analysis of F0 Variation for Vietnamese Dialect Identification | 3 | Không | The 3rd International Conference on Computer and Computing Science (COMCOMS 2015) / ISSN 2287-1233                                                                                                                                  |          | 2 | , 205-210 | 2015 |

|    |                                                                                        |   |       |                                                                                                                                                                  |  |   |           |      |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|---|-----------|------|
| 14 | Tone Recognition of Isolated Vietnamese Syllables                                      | 3 | Có    | Kỷ yếu hội nghị quốc tế:<br>Proceedings of AUN/SEED-NET Regional Conference for Computer and Information Engineering 2015 (RCCIE 2015) / ISBN: 978-604-938-689-3 |  |   | , 42-48   | 2015 |
| 15 | Ảnh hưởng của lứa tuổi và giới tính đến tần số cơ bản và năng lượng của tiếng Việt nói | 5 | Có    | Kỷ yếu hội nghị khoa học công nghệ quốc gia lần thứ VIII, Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng công nghệ thông tin (FAIR 2015) / ISBN: 978-604-913-397-8                |  |   | , 40-50   | 2015 |
| 16 | Nhận dạng phương ngữ tiếng Việt sử dụng MFCC và tần số cơ bản                          | 3 | Không | Kỷ yếu hội nghị khoa học công nghệ quốc gia lần thứ VIII, Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng công nghệ thông tin (FAIR 2015) / ISBN: 978-604-913-397-8                |  | 1 | , 536-536 | 2015 |

|    |                                                                                                   |   |       |                                                                                                                                                           |          |  |             |      |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--|-------------|------|
| 17 | Đánh giá hiệu năng một số mô hình học máy thống kê với vấn đề nhận dạng thanh điệu tiếng Việt nói | 2 | Có    | Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia 2015 về Điện tử, Truyền thông và Công nghệ thông tin (ECIT 2015) / ISBN: 978-604-67-0635-9                                       |          |  | , 342-347   | 2015 |
| 18 | A Novel Approach for Spoken Term Detection in Vietnamese                                          | 3 | Có    | Kỷ yếu hội nghị quốc tế: The 3rd International Conference on Computing, Management and Telecommunications (IEEE ComManTel 2015) / ISBN: 978-1-4673-6547-5 | - Scopus |  | , 68-72     | 2015 |
| 19 | Nhận dạng tiếng Việt nói trên thiết bị di động                                                    | 2 | Không | Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội / ISSN 2354-1059                                                                                           |          |  | 7A, 180-188 | 2015 |
| 20 | Building of Corpus for Vietnamese Dialect Identification                                          | 3 | Không | Tạp chí Khoa học và Công nghệ các trường Đại học Kỹ Thuật / ISSN 2354-1083                                                                                |          |  | 109, 49-55  | 2015 |

|    |                                                                                              |   |       |                                                                                                                                                                                                                                            |          |  |           |      |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--|-----------|------|
| 21 | PBX<br>Autoresponder<br>System for<br>Information<br>Lookup of<br>Pupil Records              | 3 | Có    | Kỷ yếu hội nghị<br>quốc tế: Intelligent<br>Information and<br>Database Systems,<br>8th Asian<br>Conference,<br>ACIIDS 2016,<br>Lecture Notes in<br>Artificial<br>Intelligence, LNAI<br>9622, Springer<br>2016 / ISBN 978-3-<br>642-49389-2 | - Scopus |  | , 509-518 | 2016 |
| 22 | Cải thiện hiệu<br>năng hệ thống<br>nhận dạng<br>tiếng Việt với<br>thông tin về<br>phương ngữ | 4 | Không | Kỷ yếu hội nghị<br>khoa học công nghệ<br>quốc gia lần thứ IX,<br>Nghiên cứu cơ bản<br>và ứng dụng công<br>nghệ thông tin<br>(FAIR 2016) /<br>ISBN: 978-604-913-<br>472-2                                                                   |          |  | , 63-69   | 2016 |
| 23 | So sánh hiệu<br>năng một số<br>phương pháp<br>nhận dạng cảm<br>xúc tiếng Việt<br>nói         | 4 | Không | Kỷ yếu hội nghị<br>khoa học công nghệ<br>quốc gia lần thứ IX,<br>Nghiên cứu cơ bản<br>và ứng dụng công<br>nghệ thông tin<br>(FAIR 2016) /<br>ISBN: 978-604-913-<br>472-2                                                                   |          |  | , 656-662 | 2016 |

|    |                                                                           |   |       |                                                                                                                                                                |  |  |                 |      |
|----|---------------------------------------------------------------------------|---|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|-----------------|------|
| 24 | So sánh một số bộ phân lớp dùng cho nhận dạng phương ngữ tiếng Việt       | 4 | Có    | Kỷ yếu hội nghị khoa học công nghệ quốc gia lần thứ IX, Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng công nghệ thông tin (FAIR 2016) / ISBN: 978-604-913-472-2                |  |  | , 663-667       | 2016 |
| 25 | Cảm xúc trong tiếng nói và phân tích thống kê ngữ liệu cảm xúc tiếng Việt | 4 | Không | Chuyên san Các công trình nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin và Truyền thông, Tạp chí Công nghệ thông tin và Truyền thông / ISSN 1859-3526 |  |  | V-1 , 15, 86-98 | 2016 |
| 26 | Automatic identification of Vietnamese dialects                           | 3 | Không | Tạp chí Tin học và Điều khiển học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam / ISSN 1813-9663                                                                |  |  | 32 , 1, 19-30   | 2016 |
| 27 | Vietnamese Speech Recognition using LSTM neural network                   | 4 | Không | Kỷ yếu hội nghị quốc tế: The 9th Regional Conference on Electrical and Electronics Engineering (AUN/SEED-NET RCEEE 2016) / ISBN: 978-604-93-8944-3             |  |  | , 274-278       | 2016 |



|    |                                                                                          |   |       |                                                                                                                                                           |  |  |                                  |      |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|----------------------------------|------|
| 28 | Định danh tự động một số làn điệu dân ca Việt Nam                                        | 3 | Không | Hội thảo quốc gia lần thứ XIX “Một số vấn đề chọn lọc của Công nghệ thông tin và Truyền thông” (@2016) / ISBN: 978-604-67-0781-3                          |  |  | , 92-97                          | 2016 |
| 29 | Statistical analysis of Vietnamese dialect corpus and dialect identification experiments | 3 | Không | International Journal of Scientific Engineering and Applied Science (IJSEAS) / ISSN : 2395-3470                                                           |  |  | Volume 2<br>Issue 8 ,<br>255-266 | 2016 |
| 30 | Nhận dạng tiếng Việt nói sử dụng bộ công cụ Kaldi                                        | 4 | Không | Chuyên san Điện tử, Viễn thông, Công nghệ thông tin, Tạp chí Khoa học Công nghệ Thông tin và Truyền thông, Học viện Bưu Chính Viễn Thông / ISSN 2525-2224 |  |  | 3-4<br>(CS.01), 7-15             | 2016 |
| 31 | Nhận dạng phương ngữ tiếng Việt sử dụng mạng nơ ron tích chập CNN                        | 3 | Có    | Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Công nghệ Quốc gia lần thứ X, Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng công nghệ thông tin (FAIR 2017) / ISBN: 978-604-913-614-6            |  |  | , 710-715                        | 2017 |

|    |                                                                                 |   |       |                                                                                                                                                |  |   |                 |      |
|----|---------------------------------------------------------------------------------|---|-------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|---|-----------------|------|
| 32 | Ảnh hưởng của đặc trưng phổ tín hiệu tiếng nói đến nhận dạng cảm xúc tiếng Việt | 4 | Không | Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Công nghệ Quốc gia lần thứ X, Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng công nghệ thông tin (FAIR 2017) / ISBN: 978-604-913-614-6 |  | 1 | , 36-45         | 2017 |
| 33 | Mô hình GMM định danh tự động một số làn điệu dân ca quan họ Bắc Ninh           | 3 | Không | Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Công nghệ Quốc gia lần thứ X, Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng công nghệ thông tin (FAIR 2017) / ISBN: 978-604-913-614-6 |  |   | , 416-421       | 2017 |
| 34 | GMM for emotion recognition of Vietnamese                                       | 2 | Không | Tạp chí Tin học và Điều khiển học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam                                                                 |  |   | 33 , 3, 229–246 | 2017 |
| 35 | Tổng hợp tiếng Việt có cảm xúc                                                  | 3 | Không | Chuyên san Các công trình nghiên cứu phát triển CNTT và Truyền thông, Tạp chí Thông tin và Truyền thông / ISSN: 1859-3526                      |  |   | 38 , 18, 67-76  | 2017 |

|    |                                                                                                              |   |    |                                                                                                                                   |          |    |           |      |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|----|-----------|------|
| 36 | Phương pháp cải tiến giải thuật SLIC tạo các siêu điểm ảnh trong bài toán hỗ trợ dò biên đối tượng trong ảnh | 2 | Có | Hội thảo quốc gia lần thứ XX “Một số vấn đề chọn lọc của Công nghệ thông tin và Truyền thông” (@2017) / ISBN: 978-604-67-1009-7   |          |    | , 266-270 | 2017 |
| 37 | Nhận dạng hành động con người dựa trên dữ liệu từ cảm biến của thiết bị di động                              | 2 | Có | Kỷ yếu hội thảo quốc gia 2017 về Điện tử, Truyền thông và Công nghệ thông tin (REV-ECIT 2017) / ISBN: 978-604-67-1021-9           |          |    | , 217-221 | 2017 |
| 38 | Automatic skin lesion analysis towards melanoma detection                                                    | 2 | Có | Kỷ yếu hội nghị quốc tế: 21st Asia Pacific Symposium on Intelligent and Evolutionary Systems (IES 2017) / ISBN: 978-1-5386-0743-5 | - Scopus | 12 | , 106-111 | 2017 |
| 39 | Phát hiện và ngăn chặn tấn công nhằm vào ứng dụng Web sử dụng SVM, XGBoost và rừng ngẫu nhiên                | 2 | Có | Kỷ yếu Hội nghị Quốc Gia lần thứ XXI về Điện tử, Truyền thông và Công nghệ thông tin (REV-ECIT 2018) / ISBN: 978-604-80-3579-2    |          |    | , 230-234 | 2018 |

|    |                                                                                                             |    |       |                                                                                                                                                 |          |   |                                |      |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|---|--------------------------------|------|
| 40 | Phân lớp định danh chéo và quan họ                                                                          | 3  | Không | Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Công nghệ Quốc gia lần thứ XI, Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng công nghệ thông tin (FAIR 2018) / ISBN: 978-604-913-749-5 |          |   | , 395-403                      | 2018 |
| 41 | Phân loại bệnh rung nhĩ dùng XGBOOST và học sâu                                                             | 6  | Có    | Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên / ISSN 1859-2171                                                                             |          |   | 189 , 13, 85-91                | 2018 |
| 42 | The Impact of Each Deep Neural Network Layer on the Performance of End-To-End Vietnamese Speech Recognition | 1  | Có    | JP Journal of Heat and Mass Transfer, Special Volume, Issue I, Advances in Mechanical System and ICT-convergence / ISSN: 0973-5763              | - Scopus |   | Special Issue 1, 201 , 77 - 81 | 2018 |
| 43 | Deep Learning Models for Tuberculosis Detection from Chest X-ray Images                                     | 9  | Có    | IEEE 26th International Conference on Telecommunications (ICT 2019) / ISBN: 978-1-7281-0274-0                                                   | - Scopus | 2 | , 380-384                      | 2019 |
| 44 | Breast Cancer Prediction Using Feature Selection and Ensemble Voting                                        | 11 | Có    | 2019 International Conference on System Science and Engineering (ICSSE 2019) / ISBN: 978-1-7281-0524-6                                          | - Scopus | 1 | , 250-254                      | 2019 |

|    |                                                                                                           |    |       |                                                                                                        |          |   |           |      |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|---|-----------|------|
| 45 | Effective Arrhythmia Detection Using Majority Voting                                                      | 11 | Có    | 2019 International Conference on System Science and Engineering (ICSSE 2019) / ISBN: 978-1-7281-0524-6 | - Scopus |   | , 109-114 | 2019 |
| 46 | Music Genre Classification Using Residual Attention Network                                               | 11 | Không | 2019 International Conference on System Science and Engineering (ICSSE 2019) / ISBN: 978-1-7281-0524-6 | - Scopus | 1 | , 115-119 | 2019 |
| 47 | Predicting Hospital Readmission Patterns of Diabetic Patients Using Ensemble Model and Cluster Analysis   | 10 | Không | 2019 International Conference on System Science and Engineering (ICSSE 2019) / ISBN: 978-1-7281-0524-6 | - Scopus |   | , 273-278 | 2019 |
| 48 | Lesion Segmentation and Automated Melanoma Detection Using Deep Convolutional Neural Networks and XGBoost | 11 | Không | 2019 International Conference on System Science and Engineering (ICSSE 2019) / ISBN: 978-1-7281-0524-6 | - Scopus |   | , 142-147 | 2019 |

|    |                                                                                                          |    |       |                                                                                                                                                                |                                                     |   |                       |      |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|---|-----------------------|------|
| 49 | Multimodal Detection of Parkinson Disease Based on Vocal and Improved Spiral Test                        | 10 | Không | 2019 International Conference on System Science and Engineering (ICSSE 2019) / ISBN: 978-1-7281-0524-6                                                         | - Scopus                                            | 2 | , 279-284             | 2019 |
| 50 | Predicting the Onset of Type 2 Diabetes using Wide and Deep Learning with Electronic Health Records      | 10 | Không | Journal of Computer Methods and Programs in Biomedicine / ISSN 0169-2607                                                                                       | SCIE, Q1, IF 3.424, H-index=139 - SCIE <b>IF: 4</b> |   | , Volume 182 Open Acc | 2019 |
| 51 | Applying Matrix Factorization for Predicting Click Through Rate on Advertizing in Apps on Mobile Devices | 2  | Có    | 2019 International Conference on Engineering Research and Applications, Advances in Engineering Research and Application (ICERA 2019) / ISBN 978-3-030-37496-9 | - Scopus                                            |   | , 130-137             | 2019 |
| 52 | A Novel Method for Automatic Detection of Basic Shapes on Whiteboard Images using Faster RCNN            | 6  | Có    | 2019 6th NAFOSTED Conference on Information and Computer Science (NICS 2019) / ISBN: 978-1-7281-5162-5                                                         | - Scopus                                            |   | , 466-470             | 2019 |

|    |                                                                                                           |   |       |                                      |                                                                   |   |                        |      |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|--------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---|------------------------|------|
| 53 | Classification of adaptor proteins using recurrent neural networks and PSSM profiles                      | 6 | Có    | BMC Genomics / ISSN: 1471-2164       | SCIE, Q1, IF=4.142, H-index=139 - SCIE                            |   | Volume 20 Supplement , | 2019 |
| 54 | iEnhancer-ECNN: identifying enhancers and their strength using ensembles of convolutional neural networks | 6 | Có    | BMC Genomics / ISSN: 1471-2164       | SCIE, Q1, IF=4.142, H-index=139 - SCIE <b>IF: 4.142</b>           |   | Volume 20 Supplement , | 2019 |
| 55 | iProDNA-CapsNet: identifying protein-DNA binding residues using capsule neural networks                   | 5 | Không | BMC Bioinformatics / ISSN: 1471-2105 | SCIE, Q1, Impact Factor 2.970, H-index=183 - SCIE <b>IF: 2.97</b> | 2 | Volume 20 Supplement , | 2019 |
| 56 | Identifying RNA pseudouridine sites using random forest and NCP-encoded features                          | 6 | Không | BMC Genomics / ISSN: 1471-2164       | SCIE, Q1, IF=4.142, H-index=139 - SCIE <b>IF: 4.142</b>           |   | Volume 20, Supplemen , | 2019 |

|    |                                                                                                                                       |   |       |                                                                                                                 |                                                        |  |                       |      |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|--|-----------------------|------|
| 57 | A Novel Method for Recognizing Vietnamese Voice Commands on Smartphones with Support Vector Machine and Convolutional Neural Networks | 2 | Có    | Wireless Communications and Mobile Computing / ISSN 1530-8669                                                   | SCIE, Q2, IF=1.396, H-index=56 - SCIE <b>IF: 1.396</b> |  | Volume 2020 Open Ac , | 2020 |
| 58 | Diabetic Retinopathy Detection using Deep Learning                                                                                    | 7 | Có    | The 4th International Conference on Machine Learning and Soft Computing (ICMLSC 2020) / ISBN: 978-1-4503-7631-0 | - Scopus                                               |  | , 103–107             | 2020 |
| 59 | Video-based Skeletal Feature Extraction for Hand Gesture Recognition                                                                  | 9 | Không | The 4th International Conference on Machine Learning and Soft Computing (ICMLSC 2020) / ISBN: 978-1-4503-7631-0 | - Scopus                                               |  | , 108–112             | 2020 |

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UỶ là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 3

*Lưu ý:* Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS. 7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

---



| TT       | Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích | Tên cơ quan cấp | Ngày tháng năm cấp | Tác giả chính/ đồng tác giả | Số tác giả |
|----------|------------------------------------------------|-----------------|--------------------|-----------------------------|------------|
| Không có |                                                |                 |                    |                             |            |

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

| TT       | Tên giải thưởng | Cơ quan/tổ chức ra quyết định | Số quyết định và ngày, tháng, năm | Số tác giả |
|----------|-----------------|-------------------------------|-----------------------------------|------------|
| Không có |                 |                               |                                   |            |

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

| TT       | Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích | Cơ quan/tổ chức công nhận | Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm) | Cấp quốc gia/Quốc tế | Số tác giả |
|----------|-------------------------------------|---------------------------|------------------------------------------|----------------------|------------|
| Không có |                                     |                           |                                          |                      |            |

- Trong đó, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

| TT       | Chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ | Vai trò | Cơ sở giáo dục đại học |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------|---------|------------------------|
| Không có |                                                                                |         |                        |

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín\*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☒

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Quang H. Nguyen, Mengnan Gong, Tao Liu, Ou Yang Youheng, Binh P. Nguyen, and Matthew Chin Heng Chua,

“Ensemble of Convolutional Neural Networks for the Detection of Prostate Cancer in Multi-parametric MRI Scans”,

Book Title : “Soft Computing for Biomedical Applications and Related Topics”, Studies in Computational Intelligence 2

Volume 899, Book ID 497487\_1\_En, Book ISBN: 978-3-030-49535-0, Book DOI 10.1007/978-3-030-49536-7, pp 231-

241, Springer Nature Switzerland, 2020

**(\*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.**

### **C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội , ngày 29 tháng 06 năm 2020

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)